

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

Nguyễn Kim Hồng

Trưởng Đại Học Sư Phạm

(*Bài nhận ngày 23/03/1998*)

TÓM TẮT: Cơ cấu kinh tế của Việt Nam trong những năm gần đây đã có những biến đổi tốt theo xu hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Những biến đổi đặc biệt quan trọng là trong cơ cấu tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và cơ cấu lao động. Xu thế chung của sự chuyển đổi này là tăng cả giá trị sản lượng lẫn cơ cấu lao động trong lĩnh vực dịch vụ và công nghiệp tương ứng với mức giảm trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

Tuy nhiên, sự thay đổi ấy vẫn chưa đồng đều giữa các vùng trong cả nước. Vùng có sự chuyển dịch nhanh là các đô thị, trong các đồng bằng, vùng chuyển dịch chậm là khu vực miền núi kém phát triển. Phấn đấu cho sự phát triển đồng đều và nhanh ở mọi nơi là nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta trong thời gian tới.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ.

Trong những năm gần đây, đặc biệt là từ sau Đại Hội Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ 6 và nhất là sau Đại Hội 7, nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong giai đoạn hiện nay phản ánh những thành tựu kinh tế, thành tựu khoa học kỹ thuật của Việt Nam, phản ánh sự hòa nhập vào nền kinh tế thế giới. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung vào sự phân tích những chuyển biến tích cực trong cơ cấu ngành và cơ cấu lao động từ năm 1990 đến 1996.

II SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC :

II.1 Cơ cấu kinh tế

Theo Mác, “ Cơ cấu kinh tế của xã hội là toàn bộ những quan hệ sản xuất phù hợp với một quá trình phát triển sản xuất nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất. Cơ cấu là sự phân chia về chất lượng và tỷ lệ, về số lượng của những quá trình sản xuất xã hội”.

Cơ cấu kinh tế có thể hiểu như một phạm trù biểu hiện cấu trúc bên trong của một hệ thống, là tập hợp những mối quan hệ tương đối ổn định giữa các bộ phận cấu thành nên nền kinh tế quốc dân trong một thời gian nhất định. Cơ cấu kinh tế là một thực thể động, phát triển không ngừng theo thời gian và không gian. Sự phát triển của cơ cấu kinh tế rõ ràng là phụ thuộc vào sự phát triển của lực lượng sản xuất, của quan hệ sản xuất, liên quan đến công nghiệp hóa và hiện đại hóa, đến nguồn tài nguyên thiên nhiên, lao động vốn và sở hữu.... Ở khía cạnh ngành, cơ cấu kinh tế có xu hướng ngày càng phức tạp, số lượng ngành nghề dường như ngày một tăng theo sự phát triển của xã hội.

Cấu trúc của cơ cấu kinh tế gồm : ngành, lãnh thổ, thành phần kinh tế. Cấu trúc lao động thể hiện trong cơ cấu tuổi của lao động, cơ cấu ngành, trình độ học vấn của lao động, trình độ chuyên môn, lao động hoạt động kinh tế thường xuyên, thất nghiệp.....

II.2. Công nghiệp hóa :

Công nghiệp hóa là một quá trình tất yếu, diễn ra ở tất cả các nước nông nghiệp trong quá trình phát triển. Công nghiệp hóa đã diễn ra hàng vài trăm năm lại đây nhưng xung quanh vấn đề công nghiệp hóa vẫn còn có những quan điểm khác nhau.

Theo nghĩa rộng, công nghiệp hóa được coi như quá trình chuyển biến tất cả các ngành kinh tế dựa trên cơ sở kỹ thuật, công nghệ hiện đại, năng suất lao động ngày càng tăng.

Theo nghĩa hẹp, công nghiệp hóa được hiểu như là quá trình phát triển công nghiệp, làm cho công nghiệp trở thành ngành chủ đạo của nền kinh tế quốc dân, hoặc nội dung chủ yếu của công nghiệp hóa là phát triển công nghiệp nặng, làm cho công nghiệp nặng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hiệp Quốc (UNIDO) đã đưa ra một định nghĩa dung hòa như sau : “ Công nghiệp hóa là một quá trình phát triển kinh tế, trong đó một bộ phận nguồn lực quốc gia ngày càng lớn được huy động để xây dựng cơ cấu kinh tế nhiều ngành với công nghiệp hiện đại để chế tạo ra tư liệu sản xuất, hàng hóa tiêu dùng, có khả năng đảm bảo một nhịp độ tăng trưởng cao trong toàn bộ nền kinh tế, và đảm bảo sự tiến bộ kinh tế và xã hội” [3,151].

Theo định nghĩa trên, có thể hiểu nội dung cơ bản và cũng là mục tiêu cuối cùng của công nghiệp hóa là làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đảm bảo sự tiến bộ kinh tế và công bằng xã hội. Một cơ cấu kinh tế hợp lý trong một thời điểm nhất định hay trong cả giai đoạn sẽ tạo đà tăng trưởng mạnh mẽ cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Công nghiệp hóa cũng chính là việc lựa chọn kỹ thuật và công nghệ hiện đại, thích hợp với trình độ kinh tế xã hội trong từng giai đoạn lịch sử của mỗi nước, trong bối cảnh chung của sự phát triển kinh tế khu vực và thế giới.

II.3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là quá trình làm thay đổi vị thế các ngành kinh tế thể hiện ở sự thay đổi tỷ trọng các ngành kinh tế trong tổng sản phẩm nội địa (Gross Domestic Product – GDP) của một nước hoặc một vùng lãnh thổ nào đó. Nó phản ánh quá trình phát triển kinh tế từ trình độ thấp lên trình độ cao. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thể hiện qua :

- Sự thay đổi tỷ trọng của các ngành, lĩnh vực kinh tế.

- Sự thay đổi cơ cấu nguồn lao động. Có thể chia sự thay đổi này làm hai giai đoạn :

Giai đoạn đầu tương thích với quá trình tăng nhanh lao động (và giá trị sản lượng) của các ngành trong khu vực II (công nghiệp và xây dựng) và giảm nhanh ở khu vực I (Nông lâm ngư nghiệp), giai đoạn 2 là tăng nhanh lao động (và giá trị sản lượng) của các ngành trong khu vực III (Dịch vụ).

- Sự thay đổi về quy trình công nghệ, công cụ lao động, đổi mới thiết bị và áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất.

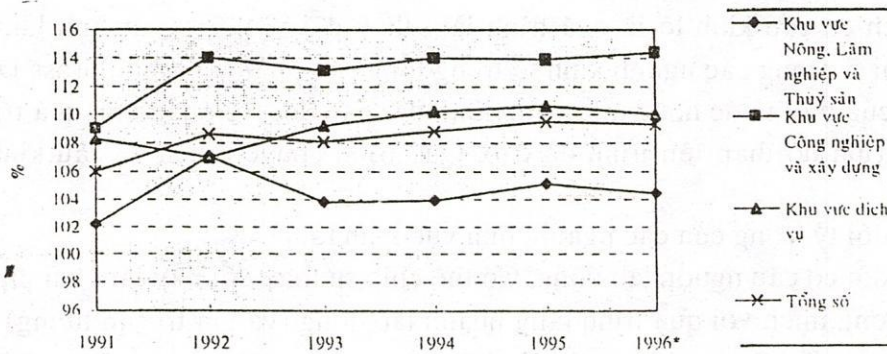
- Sự thay đổi cơ cấu thành phần kinh tế mà thực chất là việc xác nhận quyền sở hữu và huy động sức mạnh tổng hợp của tất cả các thành phần kinh tế.

Như vậy là, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng tự nhiên, kinh tế xã hội của mỗi vùng lãnh thổ nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất với tốc độ phát triển kinh tế nhanh nhất.

II.4. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Việt Nam từ năm 1990 đến 1996 :

Từ sau Đại hội Đảng lần VI, đường lối công nghiệp hóa đã được cụ thể hóa theo quan điểm đổi mới tư duy kinh tế, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Kết quả là nền kinh tế nước ta đã đạt tốc độ tăng trưởng nhanh, GDP hàng năm tăng 7-8%, tỷ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ thay đổi theo hướng tăng cùng với sự giảm tỷ trọng các ngành kinh tế trong khu vực I. Trao đổi mậu dịch tăng không ngừng, nền kinh tế nước ta đang bước những bước đầu tiên hội nhập với nền kinh tế thế giới. Những chuyển biến tích cực trong nhận thức, thể hiện qua đường lối phát triển kinh tế của Đảng, các chương trình kinh tế, các mục tiêu lớn của nhà nước đã kích thích các nhà đầu tư nước ngoài tới một thị trường nhiều tiềm năng và nhiều hứa hẹn như Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng trong khu vực công nghiệp và xây dựng đã vượt 10% /năm từ sau năm 1992 (trung bình thời kỳ 91-95 khoảng 14% /năm). Chỉ số phát triển trong ngành dịch vụ cũng tăng lên nhanh chóng và cũng đạt mức tăng trưởng 2 chữ số từ năm 1994. Riêng lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chỉ số phát triển có thấp hơn : trung bình khoảng 4%/năm.

Chỉ số phát triển tổng sản phẩm trong nước phân theo ngành kinh tế
(Giá so sánh 1989; năm trước = 100)



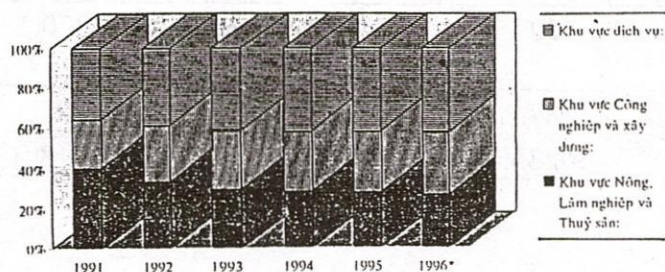
Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta trong những năm gần đây diễn ra mạnh mẽ nhất là trong khu vực I và III. Có thể nhận thấy điều này qua bảng thống kê dưới đây :

Bảng 1: Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (Giá hiện hành)

Năm	1991	1992	1993	1994	1995	1996
Tổng số	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000
Khu vực Nông, Lâm nghiệp và thủy sản	40.50	33.90	29.90	28.70	28.40	27.20
Nông nghiệp	35.30	29.50	25.50	24.60	24.10	23.20
Lâm nghiệp	2.20	1.60	1.50	1.30	1.30	1.20
Thủy sản	3.00	2.80	2.90	2.80	3.00	2.80
Khu vực công nghiệp và xây dựng	23.80	27.30	28.90	29.60	29.90	30.70
Công nghiệp	19.80	21.70	21.50	22.00	22.80	23.70
Xây dựng	4.00	5.60	7.40	7.60	7.10	7.00
Khu vực dịch vụ	35.70	38.80	41.20	41.70	41.70	42.10
Giao thông vận tải, bưu điện	3.70	4.20	4.40	3.90	3.90	4.10
Thương nghiệp	12.70	13.80	12.90	13.60	13.20	13.20
Tài chính, tín dụng, ngân hàng và Bảo hiểm nhà nước	1.40	1.40	1.70	2.00	2.40	2.40
Quản lý nhà nước, Khoa học, Giáo dục, Y tế, Thể thao	8.90	8.80	10.50	10.70	10.20	10.70
Nhà ở, Du lịch, Khách sạn, sửa chữa	9.00	10.60	11.70	11.30	12.00	11.70

Nguồn : Niên giám thống kê 1996, NXB Thống kê, H.1997, trang 16. (số liệu ước tính)*

Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo ngành kinh tế (Giá hiện hành)



Khu vực công nghiệp và xây dựng có sự thay đổi-không lớn (trung bình khoảng 1%/năm) trong tổng sản phẩm quốc nội. Phải chăng công nghiệp hóa và hiện đại hóa trong những năm qua không có tác động tích cực đến ngành công nghiệp và xây dựng ? Có thể quan sát thấy điều này : nhiều nhà máy, khu công nghiệp mới được mọc lên, nhiều công trình xây dựng đã và đang hoàn thành. Tuy nhiên, cũng cần thấy một thực tế rằng, trong các khu chế xuất, nơi tập trung sự đổi mới về kỹ thuật và công nghệ theo hướng hiện đại hóa là của các công ty nước ngoài hoặc trong các công ty liên doanh mà phần đóng góp ở phía Việt Nam chưa nhiều. Đầu tư nước ngoài chưa thực sự tạo đòn bẩy thúc đẩy sự phát triển toàn diện nền kinh tế quốc dân mà chỉ tạo ra sự tiến bộ cho một số ngành. Nhiều cơ sở sản xuất có công nghệ lạc hậu, phụ tùng thiết bị không đồng bộ. Số máy móc đạt mức trung bình và tiên tiến chỉ đạt khoảng 35%, phần thiết bị còn lại khá lạc hậu.

Sự phát triển nhanh của khu vực III trong tổng sản phẩm quốc nội phần nào phản ánh sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, của quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Nền sản xuất hàng hóa đã thực sự làm thay đổi bộ mặt đô thị và nông thôn. Cho tới năm 1996, tỷ trọng của khu vực 3 đã chiếm hơn 40% tổng sản phẩm trong nước. Tuy nhiên, tỷ trọng này cũng chỉ mới tương đương với các nước tư bản phát triển và các nước NIC cuối thập niên 60. Vì vậy, việc tăng tỷ trọng của khu vực này sẽ còn tiếp tục trong nhiều thập niên nữa. Điều này có thể xảy ra nhanh hay chậm phụ thuộc rất nhiều vào hiện đại hóa nông thôn Việt Nam.

Tỷ trọng các ngành thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã giảm nhanh chóng, từ 40,5% năm 1991 còn 27,2% năm 1996 (trung bình giảm 2%/ năm) cùng với sự tăng tương ứng trong lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp – xây dựng. Việc giảm tỷ trọng trong khu vực nông nghiệp trong giai đoạn tới sẽ hoàn toàn phụ thuộc vào công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Cần phải tập trung hơn nữa công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn vì đây là địa bàn tập trung nhiều lao động nhất, việc công nghiệp hóa và hiện đại hóa sẽ làm chuyển biến cơ bản nông thôn. Một khó khăn lớn nhất khi chuyển dịch cơ cấu nông thôn là thu nhập của người dân còn thấp; tập quán, thói quen được dịch vụ ở nông thôn mới chỉ bắt đầu. Tăng thu nhập cho người nông dân và tạo thói quen được dịch vụ cho cư dân nông thôn thì tỷ trọng ngành dịch vụ trong thời gian tới có thể tăng nhanh hơn nữa.

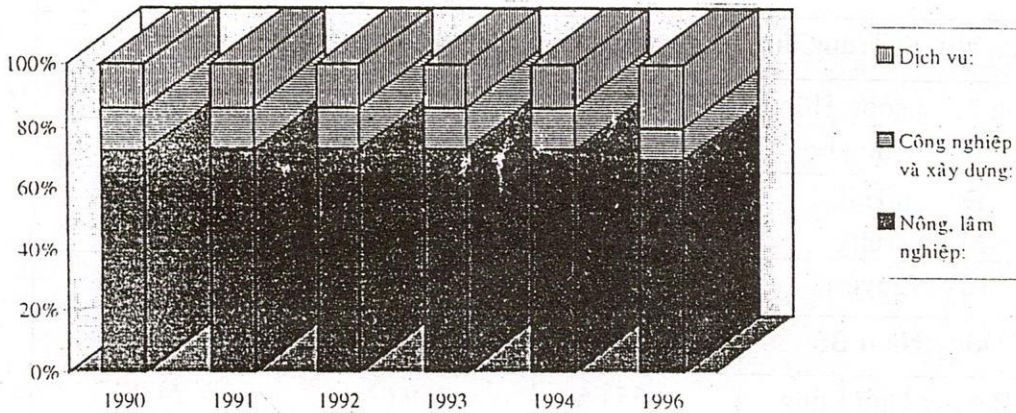
Bảng 2: Người lao động làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân:

Đơn vị tính : nghìn người

	1990	1991	1992	1993	1994	1996*
Nông, lâm nghiệp :	21889.0	22482.6	23208.3	23898.2	24510.7	24366.7
Công nghiệp và xây dựng	4209.7	4214.0	4275.0	4370.1	4575.2	3633.9
Dịch vụ :	4187.3	4277.4	4326.9	4449.7	4578.2	6907.0
Tổng số :	30286.0	30974.0	31810.2	32718.0	33663.9	34907.6

Nguồn : các năm : 1990, 1991, 1992, 1993 và 1994 từ "Niên giám thông kê 1995", trang 29; năm 1996 từ "Thực trạng lao động – việc làm ở Việt Nam 1996", trang 123.

Số lao động chia theo các nhóm ngành kinh tế



Bảng 3 : Tỷ trọng (%) người lao động trong các khu vực kinh tế :

	1990	1991	1992	1993	1994	1996
Nông, lâm nghiệp :	72.3	72.6	73.0	73.0	72.8	69.8
Công nghiệp và xây dựng	13.9	13.6	13.4	13.4	13.6	10.4
Dịch vụ :	13.8	13.8	13.6	13.6	13.6	19.8

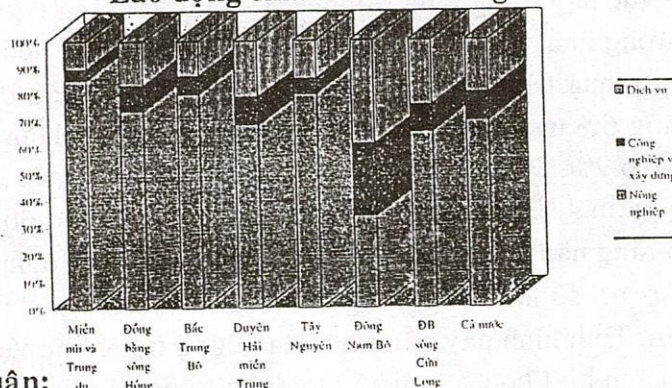
Sự chuyển dịch cơ cấu còn thấy rõ trong việc sử dụng người lao động. Tỷ trọng người lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp chỉ giảm được 2,5%, người lao động trong khu vực công nghiệp và dịch vụ giảm 3,5%, còn người lao động trong khu vực dịch vụ tăng lên 6%. Mức tăng số lượng lao động trong khu vực dịch vụ trong tổng số lao động là 1%/ năm. Nhìn vào tỷ trọng người lao động trong các khu vực kinh tế mới thấy được năng suất lao động trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng giảm 3,5% trong toàn thời kỳ nhưng giá trị tổng sản lượng của lĩnh vực này trong tổng sản phẩm xã hội lại tăng 6,9%. Điều đó chứng tỏ năng suất lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng tăng nhanh hơn 2 khu vực còn lại, đó là kết quả của quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Khu vực dịch vụ, số lao động tăng 6% trong tổng số lao động của cả nước nhưng giá trị sản lượng cũng chỉ tăng thêm được 6,9%. Đối với khu vực nông lâm nghiệp, mặc dù tỷ trọng giá trị sản lượng nông nghiệp giảm 13,3% trong cùng thời kỳ nhưng số lao động chỉ giảm được 2,5%. Điều đó chứng tỏ rằng năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp tuy có tăng về giá trị tuyệt đối nhưng so với số lao động trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng và trong lĩnh vực dịch vụ lại giảm. Tình hình này dẫn tới số lao động trong khu vực nông nghiệp sẽ có thu nhập ngày càng cách biệt hơn so với số lao động trong các lĩnh vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ.

Bảng 4: Số lao động trong các lĩnh vực kinh tế chia theo vùng.

	Chia theo nhóm ngành kinh tế		
	Nông nghiệp	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
Miền núi và Trung du	85.24	4.82	9.94
Đồng bằng sông Hồng	73.77	9.57	16.66
Bắc Trung bộ	80.05	6.85	13.10
Duyên Hải Miền Trung	68.44	10.47	21.09
Tây Nguyên	80.10	5.68	14.22
Đông Nam Bộ	33.59	27.68	38.73
ĐB sông Cửu Long	65.66	9.97	24.37
Cả nước	69.80	10.55	19.65

Xét theo tỷ trọng số lao động trong các khu vực kinh tế qua cuộc điều tra “Thực trạng lao động - việc làm ở Việt Nam năm 1996” cho thấy có sự khác biệt theo lãnh thổ, số lao động trong các khu vực kinh tế cũng rất khác nhau: Vùng có tỷ lệ lao động trong khu vực dịch vụ cao nhất là Đông Nam Bộ (38,73%), tiếp đó là Đồng Bằng Sông Cửu Long (24,37%), thấp nhất là Miền Núi và Trung du Bắc Bộ (13,10%); Vùng có tỷ lệ lao động trong khu vực công nghiệp- xây dựng là Đông Nam Bộ (27,68%), thấp nhất là Miền Núi và Trung du Bắc Bộ (4,82%); Trong khu vực nông lâm nghiệp, vùng có tỷ lệ lao động cao nhất là Miền Núi và Trung du Bắc Bộ (85,24%), kế đến là Tây Nguyên (80,10%), thấp nhất là Đông Nam Bộ (33,59%). Nếu căn cứ vào tỷ lệ lao động trong các khu vực để phân loại trình độ phát triển thì vùng có trình độ phát triển kinh tế cao nhất là Đông Nam Bộ, thấp nhất là Tây Nguyên và Miền Núi và Trung du Bắc Bộ.

Lao động chia theo nhóm ngành kinh tế



II. Kết Luận:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và số lao động ở Việt Nam trong những năm gần đây đã thể hiện rõ qua sự thay đổi tỷ trọng: tăng tỷ trọng ở khu vực dịch vụ là công nghiệp – xây

dựng nhưng sự dịch chuyển này còn diễn ra chậm. Mức độ khác biệt về tỷ trọng số lượng lao động trong các khu vực kinh tế thể hiện trong các vùng càng chứng tỏ mức khác biệt trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu số lượng lao động ở nước ta.

Phải đẩy mạnh hơn nữa công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa trên mọi miền đất nước. Cần chú trọng đổi mới công nghệ, đào tạo lực lượng lao động mới đáp ứng được những đòi hỏi về kỹ thuật và công nghệ hiện đại mới mong tránh được nguy cơ ngày càng tụt hậu so với thế giới. Công nghiệp hóa càng phải chú trọng vào các địa bàn mà tỷ trọng giá trị sản lượng và số lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn: đó là các vùng nông thôn Việt Nam. Không có thể đạt được hiệu quả cao trong quá trình công nghiệp hóa nếu không công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn Việt Nam.

**CHANGE OF ECONOMIC STRUCTURE IN THE RECENT TREND OF
INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION IN VIET NAM.**

Nguyen Kim Hong

ABSTRACT: Vietnamese economic structure in the recent years has changed in the direction of industrialization and modernization of the country. The particularly important changes have occurred in the structure of the gross domestic product (GDP) and labour structure. The common trend of these changes is the increase of the value of output and labour structure in the fields of services and industries corresponding to the decrease of these two factors in the domains of agriculture, forestry and fishing.

Nevertheless, these changes are not the same all over the country. Fast changes have occurred in cities and deltas, slow changes in under-developed mountain regions. Effort for fast and equal development in every region is the social- economic development task of our country in the coming time.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Một đề lý luận và thực tiễn của quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở nước ta (tập 1 và tập 2). Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, H.1993.
2. Thực trạng lao động – việc làm ở Việt Nam. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. NXB Thống kê, H.1997.
3. Một số quan điểm về đổi mới chính sách kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế. Phạm văn Nghiê, NXB Sự thật, H.1993.
4. Niên Giám thông kê – 1994. Tổng cục Thống kê, H.1995
5. Niên Giám thông kê – 1995. Tổng cục Thống kê, H.1996
6. Những vấn đề lý luận cơ bản về chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn Việt Nam. Ủy Ban Kế hoạch Nhà nước – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, H.1995.